**MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ 2 (30% TRẮC NGHIỆM + 70% TỰ LUẬN)**

**MÔN HỌC: SINH HỌC 9**

**Thời gian : 45 phút**

**\* Mục tiêu kiểm tra/đánh giá: Năng lực của học sinh về kiến thức ở các chương II: Hệ sinh thái, Chương III: Con người, dân số và môi trường, Chương IV: Bảo vệ môi trường, từ đó HS vận dụng được những kiến thức vừa nêu trên để giải quyết các vấn đề thực tiễn có liên quan. Thông qua kiểm tra để đánh giá năng lực của học sinh ở cuối kì 2.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội**  **dung** | **%** | **Cấp độ 1**  **(Biết)** | | | | | | **Cấp độ 2**  **(Hiểu)** | | | | | | **Cấp độ 3**  **(Vận dụng)** | | | | | | **Cấp độ 4**  **(Vận dụng cao)** | | | | | |
| **Trắc nghiệm** | | | **Tự luận** | | | **Trắc nghiệm** | | | **Tự luận** | | | **Trắc nghiệm** | | | **Tự luận** | | | **Trắc nghiệm** | | | **Tự luận** | | |
| **SL** | **TG** | **Đ** | **SL** | **TG** | **Đ** | **SL** | **TG** | **Đ** | **SL** | **TG** | **Đ** | **SL** | **TG** | **Đ** | **SL** | **TG** | **Đ** | **SL** | **TG** | **Đ** | **SL** | **TG** | **Đ** |
| **Chương 2: Hệ sinh thái** | 10 | 2 | 4 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chương 3: Con người, dân số và môi trường** | 40 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 10 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 5 | 1 |
| **Chương 4: Bảo vệ môi trường.** | 50 | 4 | 8 | 2 | 1 | 8 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 10 | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | 06 | 12/45 | **3/10** | 01 | 8/45 | **1/10** |  |  |  | 01 | 10/45 | **3/10** |  |  |  | 01 | 10/45 | 2/10 |  |  |  | 01 | 5/45 | 1/10 |
| % | 85.7 | | | 14.3 | | | 0 | | | 100 | | | 0 | | | 100 | | | 0 | | | 100 | | |
| % | **40** | | | | | | **30** | | | | | | **20** | | | | | | **10** | | | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ 2 - SINH HỌC 9**

**Thời gian làn bài : 45 phút**

**\* Mục tiêu kiểm tra/đánh giá: Năng lực của học sinh về kiến thức ở các chương II: Hệ sinh thái, Chương III: Con người, dân số và môi trường, Chương IV: Bảo vệ môi trường, từ đó HS vận dụng được những kiến thức vừa nêu trên để giải quyết các vấn đề thực tiễn có liên quan. Thông qua kiểm tra để đánh giá năng lực của học sinh ở cuối kì 2.**

**Cấp độ 1: Biết; Cấp độ 2: Hiểu; Cấp độ 3: Vận dụng; Cấp độ 4: Vận dụng cao.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **CĐR (Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt)** | **%** | **Cấp độ 1 (%)** | **Số câu hỏi** | | **Thời gian** | **Cấp độ 2 (%)** | **Số câu hỏi** | | **Thời gian** | **Cấp độ 3 (%)** | **Số câu hỏi** | | **Thời gian** | **Cấp độ 4 (%)** | **Số câu hỏi** | | **Thời gian** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
|
| **Chương II** | **Hệ sinh thái** | **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Quần thể sinh vật. | Khái niệm quần thể sinh vật. | **5** | 5 | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Quần xã sinh vật | Khái niệm quần xã sinh vật. | **5** | 5 | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng chương II | |  | 10 | 2 |  | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chương III** | **Con người, dân số và môi trường.** | **40** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Ô nhiễm môi trường. | Nguyên nhân của ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật sau khi ăn rau, quả. | **30** |  |  |  |  | 30 |  | 1 | 10 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Ô nhiễm môi trường (tt).. | Nêu biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường. | **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 10 |  | 1 | 5 |
| Tổng chương III | |  |  |  |  |  | 30 | 0 | 1 | 10 |  |  |  |  | 10 | 0 | 1 | 5 |
| **Chương IV** | **Bảo vệ môi trường** | **50** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Sử dụng hợp lí Tài nguyên thiên nhiên. | - Khái niệm các dạng tài nguyên thiên nhiên.  - Các phương thức sử dụng các loại TNTT. | 25 | 25 | 3 | 1 | 14 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái. | - Vai trò của hệ sinh thái rừng.  - Ý thức bảo vệ rừng, môi trường ở địa phương. | 25 | 5 | 1 |  | 2 |  |  |  |  | 20 |  | 1 | 10 |  |  |  |  |
| Tổng chương IV | |  | 30 | 4 | 1 | 16 |  |  |  |  | 20 | 0 | 1 | 10 |  |  |  |  |
| **Tổng** | | **100** | **40** | **6** | **1** | **20** | **30** | **0** | **1** | **10** | **20** | **0** | **1** | **10** | **10** | **0** | **1** | **5** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ THAM KHẢO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2**  ***Môn: Sinh học* – Lớp 9**  *Thời gian: 45 phút* |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** *(3 điểm)*

*\* Chọn câu trả lời đúng nhất*

**Câu 1.** Tập hợp cá thể nào dưới đây là quần thể sinh vật?

A. Tập hợp các cá thể giun đất, giun tròn, côn trùng, chuột chũi đang sống trên một cánh đồng.

B. Tập hợp các cây ngô (bắp) trên một cánh đồng.

C. Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá rô phi đang sống chung trong một ao.

D. Tập hợp các cây có hoa cùng mọc trong một cánh rừng.

**Câu 2.** Quần xã sinh vật có những dấu hiệu điển hình nào?

A. Số lượng và thành phần loài trong quần xã.

B. Số lượng các loài trong quần xã.

C. Thành phần loài trong quần xã.

D. Số lượng các cá thể của từng loài trong quần xã.

**Câu 3. Tài nguyên dưới đây có giá trị vô tận là?**

A. Dầu mỏ, than đá và khí đốt.

B. Tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật.

C. Năng lượng mặt trời.

D. Cây rừng và thú rừng.

**Câu 4.**Biện pháp trồng rừng có hiệu quả chính nào sau đây?

A. Góp phần bảo vệ các hệ sinh thái quan trọng, bảo vệ nguồn gen sinh vật.

B. Góp phần bảo vệ tài nguyên rừng.

C. Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường của người dân.

D. Phục hồi các hệ sinh thoái đã bị thoái hoá, chống xói mòn, tăng nguồn nước.

**Câu 5.** Tài nguyên năng lượng vĩnh cửu là

A. gió. B. đất. C. nước. D. dầu lửa.

**Câu 6.** Những dạng tài nguyên sau một thời gian sử dụng sẽ bị cạn kiệt gọi là tài nguyên không tái sinh như……………………

A. tài nguyên năng lượng thủy triều. B. tài nguyên đất.

C. năng lượng gió. D. quặng sắt.

**II. PHẦN TỰ LUẬN:** *(7 Điểm)*

**Câu 1** *(3.0 điểm):* Hãy cho biết nguyên nhân của việc ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật sau khi ăn rau và quả?

**Câu 2** *(3,0 điểm)***:** Ô nhiễm môi trường là gì? Em hãy kể các biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường tại địa phương mà em đang sinh sống?

**Câu 3** *(1,0 điểm)***:** Bản thân là học sinh em có thể nêu cao được ý thức bảo vệ rừng và môi trường ở địa phương mình đang sinh sống như thế nào?

*------------------------------ Hết ----------------------------*

|  |
| --- |
| **ĐỀ THAM KHẢO HDC KIỂM TRA CUỐI KỲ 2**  ***Môn: Sinh học* – Lớp 9** *Thời gian : 45 phút* |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** (*3 điểm*)

*\* Chọn câu trả lời đúng nhất:(Mỗi câu đúng được 0.5 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| **Trả lời** | B | A | C | D | A | D |

**II. PHẦN TỰ LUẬN:** *(7 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1.**  *(3,0 điểm)* | *- Nguyên nhân:* là do người trồng rau quả đã sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng cách.  *- VD:* Dùng sai loại thuốc, thuốc không đảm bảo chất lượng.  Dùng quá liều lượng hoặc không tuân thủ quy định về thời gian và thu hoạch rau quả sau khi phun thuốc (thu hoạch rau quả sau khi phun thuốc và bán cho người tiêu dùng). | 1 điểm  1 điểm  1 điểm |
| **Câu 2.**  *(3,0 điểm)* | *- Ô nhiễm môi trường* là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn, đồng thời các tác nhân vật lí, hóa học, sinh học của môi trường bị thay đổi, gây tác hại tới đời sống của con người và các sinh vật khác.  - *Hạn chế ô nhiễm không khí:* trồng nhiều cây xanh, sử dụng nguồn năng lượng sạch (năng lượng của gió, năng lượng mặt trời..)  - *Hạn chế ô nhiễm nguồn nước:* xây dựng các nhà máy xử lý nước thải ở gần khu dân cư, khu công nghiệp...  - *Hạn chế ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật:* hạn chế sử dụng các loại hóa chất trong trồng trọt....  *- Hạn chế ô nhiễm do chất thải rắn:* bỏ rác đúng nơi quy định, cần phân loại rác thải sinh hoạt...  *(HS có thể nêu các biện pháp bảo vệ môi trường thực tế ô nhiệm của địa phương mình đang sinh sống GV cũng tính điểm cho HS* | 1 điểm  0.5 điểm  0.5 điểm  0.5 điểm  0.5 điểm |
| **Câu 3.**  *(1,0 điểm)* | *- Bảo vệ rừng:* Tuyên truyền về tác dụng của rừng, không chặt phá cây cối bừa bãi, tích cực trồng cây chăm sóc và bảo vệ cây…  *- Bảo vệ môi trường*: Không vứt rác bừa bãi, đốt rác, ….tích cực tham gia vệ sinh công cộng, vận động mọi người tham gia các phong trào vệ sinh công viên, bãi biển, trường học… | 0.5 điểm  0.5 điểm |